

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Hoài Thu** - Tác động của đô thị hoá đến phát thải khí nhà kính ở Việt Nam: kết quả từ mô hình ARDL. *Mã số: 183.1Deco.11* 3
Impact of Urbanization on Greenhouse Gas Emissions in Vietnam: Evidence from the ARDL Approach
- 2. Nguyễn Thị Đài Trang và Bùi Thanh Tráng** - Năng lực động và vai trò chính sách chính phủ đối với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp viễn thông Việt Nam. *Mã số: 183.1SMET.11* 13
Dynamic Capabilities, Role of Government Policies and Firm Performances from Vietnam Telecommunications

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 3. Lê Hải Trung và Nguyễn Lan Phương** - Tác động của biến động giá dầu đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Mã số: 183.2FiBa.21* 34
Impacts of Oil Price Changes to the Performance of Vietnamese Commercial Banks
- 4. Lê Hoàng Vinh và Nguyễn Bạch Ngân** - Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng tiền gửi khách hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam: Vai trò điều tiết của sở hữu kiểm soát bởi Nhà nước. *Mã số: 183.2FiBa.21* 49
Factors Affecting on the Level of Customer Deposits at Vietnamese Commercial Banks: The Moderating Role of State-Controlled Ownership

- 5. Đinh Văn Hoàng, Bùi Khánh Phương, Trịnh Thị Thu Trang, Trần Như Quỳnh và Nguyễn Thị Phương** - Tác động của năng lực đổi mới sáng tạo đến năng lực phát triển bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam. **Mã số: 183.2BAdm.21** 65

The Impact of Innovation Capabilities on Business Sustainability Competencies of Small and Medium Enterprises in Viet Nam

- 6. Cao Quốc Việt và Vũ Thị Hồng Ân** - Tác động của trò chơi hoá đến lòng trung thành của người dùng ví điện tử tại thành phố Hồ Chí Minh. **Mã số: 183.2BMkt.21** 81

The Impact of Gamification on the Loyalty of E-Wallet Users in Ho Chi Minh City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 7. Đỗ Huỷ Thương, Phạm Thị Thanh Hằng, Nguyễn Thị Bích Hồng, Nguyễn Việt Hoàng và Lê Nguyễn Triệu Vi** - Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên ở khu vực Hà Nội. **Mã số: 183.3OMIs.31** 98

Researching the Factors Influencing the Young Hanoians' Start-Up Intention

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỘNG GIÁ DẦU ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Lê Hải Trung*

Email: trunglh@hvn.edu.vn

Nguyễn Lan Phương*

Email: phuong13006@gmail.com

***Học viện Ngân hàng**

Ngày nhận: 28/07/2023

Ngày nhận lại: 02/10/2023

Ngày duyệt đăng: 05/10/2023

Bài viết đánh giá tác động của biến động giá dầu đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam trên góc độ lợi nhuận và rủi ro phá sản. Dựa trên dữ liệu bảng của 21 NHTM đã niêm yết của Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2022 và mô hình hồi quy dạng bảng, tác giả chỉ ra rằng biến động giá dầu có tác động tích cực tới lợi nhuận của NHTM Việt Nam, nhưng đồng thời cũng khiến gia tăng rủi ro phá sản của các NHTM Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu mở rộng cho thấy tác động bất cân xứng của giá dầu tới hoạt động của các NHTM trong giai đoạn giá dầu tăng và giá dầu giảm. Dựa trên các kết quả định lượng, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách đối với cơ quan quản lý và các NHTM Việt Nam trong việc đối phó với tác động của biến động giá dầu tới hiệu quả hoạt động của các NHTM.

Từ khóa: Biến động giá dầu; ngân hàng thương mại; hiệu quả hoạt động.

JEL Classifications: C33, G21, G28, Q43.

DOI: 10.54404/JTS.2023.183V.03

1. Giới thiệu

Giá dầu là một trong những nguyên liệu quan trọng nhất trong sự vận hành, luân chuyển của các hoạt động kinh tế và dịch vụ quốc gia. Do đó, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động trực tiếp của biến động giá dầu tới tăng trưởng và phát triển kinh tế (Narayan & Gupta, 2015), cũng như mối quan hệ liên thông trực tiếp tới các biến động của các nhân tố thị trường cũng như ổn định của thị trường tài chính (Morana, 2017; Zhu và cộng sự, 2022). Trong đó, thông qua mối quan hệ giữa

giá dầu với mức độ đầu tư và khả năng tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế, biến động giá dầu có thể tác động tới hoạt động của các NHTM. Kilian (2008) cho rằng cú sốc gia tăng của các nguyên liệu đầu vào như xăng, dầu sẽ ảnh hưởng tới chi phí vận hành, lợi nhuận biên và các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, cũng như thu nhập và khả năng tiết kiệm của dân cư và từ đó tác động tới tỷ lệ nợ xấu và chất lượng bảng cân đối tài sản của các NHTM. Lee và Lee (2019) chỉ ra rằng, biến động của giá dầu

có tác động đáng kể tới hiệu quả hoạt động của các NHTM về cả vốn, khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản cũng như hiệu quả quản trị.

Việt Nam có một nền kinh tế đang phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, độ mở kinh tế lớn. Do đó, biến động giá dầu có tác động trực tiếp tới sự vận hành của nhiều yếu tố và thành phần của nền kinh tế như chi phí sản xuất, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí tiêu dùng và đời sống xã hội của dân cư cũng như nguồn thu và chi ngân sách nhà nước. Với cấu trúc thị trường tài chính dựa trên ngân hàng, các NHTM Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nguồn vốn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó, biến động giá dầu có thể tác động trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam một cách trực tiếp thông qua biến động của các yếu tố thị trường như lạm phát, lãi suất hoặc một cách gián tiếp thông qua sự thay đổi trong khả năng sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế.

Theo hiểu biết của nhóm tác giả, đã có một số nghiên cứu đánh giá tác động của biến động giá dầu tới nền kinh tế nói chung cũng như các thành phần của nền kinh tế Việt Nam thông qua các cú sốc về tổng cầu của nền kinh tế (Anh và cộng sự, 2016), thông qua tác động tới thị trường chứng khoán Việt Nam (Trình & Lan, 2018) hay thông qua thu, chi ngân sách của Việt Nam (Nam, 2020). Tuy nhiên, theo hiểu biết của nhóm tác giả, chưa có nghiên cứu nào đánh giá trực tiếp tác động của biến động giá dầu tới hoạt động của các NHTM Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này sẽ đóng góp vào khoảng trống nghiên cứu đó thông qua việc đánh giá tác động của biến động giá dầu tới hoạt động của các NHTM Việt Nam trên hai góc độ là khả năng sinh lời và rủi ro phá sản. Cụ thể, nhóm tác giả đánh

giá tác động của các chỉ số giá dầu trên thế giới tới hoạt động của 21 NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2007 - 2022. Giai đoạn nghiên cứu gắn liền với một số sự kiện chính trị và kinh tế quan trọng, như cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, đại dịch COVID-19 và cuộc chiến Nga-Ukraine có liên quan mạnh mẽ đến các cú sốc giá dầu thô tiêu biểu.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Tác động của biến động giá dầu tới nền kinh tế

Các nghiên cứu trước đây đã phân tích về mối quan hệ giữa biến động giá dầu và nền kinh tế. Trong đó, một nhóm nghiên cứu khám phá các tác động của biến động giá dầu đối với nền kinh tế một cách tổng thể. Hamilton (1983) phân tích mối quan hệ giữa cú sốc giá dầu và nền kinh tế tổng thể. Tác giả tìm thấy bằng chứng thực nghiệm cho thấy cú sốc giá dầu là một yếu tố quan trọng dẫn đến suy thoái kinh tế. Zhao và cộng sự (2016) cho rằng biến động gia tăng của giá dầu tác động tiêu cực tới nền kinh tế thông qua sự suy giảm của khả năng tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế, sự gia tăng của chi phí sản xuất dẫn tới mức tỷ lệ lạm phát cao hơn (Morana, 2017). Mork (1989) chỉ ra tác động của biến động giá dầu tới nền kinh tế là tác động bất cân xứng giá dầu tăng và giá dầu giảm đối với nền kinh tế. Theo đó, giá dầu tăng có tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế, trong khi giá dầu giảm lại không có tác động đáng kể tới biến động kinh tế (Hamilton, 2011; Ravazzolo & Rothman, 2013). Các nghiên cứu gần đây cho thấy tác động của biến động giá dầu tới tăng trưởng kinh tế không giống nhau giữa các quốc gia do biến động của giá dầu ngày càng trở nên khó dự đoán hơn với nhiều sự bất ổn định chính trị và kinh tế từ cả phía cung và phía

cầu (Umar và cộng sự, 2021). Yu và cộng sự (2022) chỉ ra rằng biến động giá dầu và biến động kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ và đặc biệt sự liên kết trở nên mạnh hơn trong các giai đoạn khủng hoảng và biến động mạnh của nền kinh tế như giai đoạn khủng hoảng tài chính 2007-2009 và đại dịch Covid-19. Anh và cộng sự (2016) chỉ ra rằng biến động giá dầu có tác động đáng kể tới cú sốc tổng cung và tổng cầu, từ đó tác động tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Nam (2020) chỉ ra rằng biến động giá dầu có tác động tới thu và chi ngân sách của Việt Nam.

Một nhóm nghiên cứu khác tập trung vào mối tương quan giữa giá dầu với các biến số của nền kinh tế. Mensi (2019) chỉ ra rằng biến động giá dầu có tác động đáng kể tới sự biến động của thị trường tài chính, tác động đáng kể tới việc phân bổ và quản trị danh mục của các nhà đầu tư. Wang và cộng sự (2021) tìm thấy mối quan hệ nhân quả giữa biến động giá dầu với tỷ lệ thất nghiệp trong nền kinh tế, đặc biệt là các quốc gia xuất khẩu dầu như Nga và Canada. Theo Davis và Haltiwanger (2001) có khoảng 20% đến 25% sự biến động trong tăng trưởng việc làm bị ảnh hưởng bởi sự biến động trong giá dầu. Biến động giá dầu cũng có tác động đáng kể tới biến động tỷ giá và thị trường chứng khoán, đặc biệt là ở thị trường mới nổi như Việt Nam. Basher và cộng sự (2012) chỉ ra rằng biến động tăng của giá dầu có xu hướng tác động tiêu cực tới tỷ giá và biến động thị trường chứng khoán của các nước đang phát triển trong ngắn hạn. Creti và cộng sự (2014) cho thấy tác động mạnh của biến động giá dầu tới thị trường chứng khoán ở cả các nước nhập khẩu và xuất khẩu dầu ròng. Đối với thị trường Việt Nam, Trinh và Lan (2018) chỉ ra tác động bất cân xứng của biến động giá dầu tới thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, biến động

giá dầu có tác động ngược chiều tới biến động của thị trường chứng khoán, với tác động mạnh hơn của biến động giá dầu tăng.

2.2. Tác động của biến động giá dầu đến hiệu quả hoạt động của NHTM

Bên cạnh các tác động tới nền kinh tế tổng thể, giá dầu còn có những ảnh hưởng trực tiếp tới ngành ngân hàng. Hesse và Poghosyan (2016) tiên phong giới thiệu hai giả thuyết về mối quan hệ giữa biến động giá dầu và hiệu quả hoạt động của NHTM. *Thứ nhất*, cú sốc giá dầu sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các NHTM thông qua việc tác động vào các “kênh truyền dẫn” như lạm phát, hoặc tăng trưởng GDP. Với kênh lạm phát, sự gia tăng của giá dầu dẫn tới sự gia tăng của tỷ lệ lạm phát và từ đó khiến thị trường tín dụng gặp khó khăn hơn do lãi suất gia tăng và tác động tiêu cực tới hoạt động của các NHTM do tỷ lệ nợ xấu tăng lên (Boyd và cộng sự, 2001). Với kênh tăng trưởng kinh tế, biến động giá dầu có thể tác động ngược chiều với tăng trưởng kinh tế, từ đó tác động tiêu cực tới khả năng trả nợ vay ngân hàng của ác chủ thể trong nền kinh tế (Kilian, 2008).

Thứ hai, giá dầu có thể tác động trực tiếp làm tăng thu nhập của các ngân hàng thông qua việc gia tăng các khoản vay cho các ngành nghề liên quan đến dầu mỏ. Giả thuyết thứ hai lại cho rằng, Nasim và Downing (2023); Saif-Alyousfi và Saha (2021) tìm thấy bằng chứng thực nghiệm cho thấy cú sốc giá dầu có tác động trực tiếp đến hiệu suất của NHTM. Nasim và Downing (2023) cho biết biến động giá dầu có tác động đáng kể và tiêu cực đến tỷ suất sinh lời của NHTM thông qua đo lường hai chỉ tiêu ROA và ROE. Kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Lee và Lee (2019). Các tác giả đã chứng minh giá dầu tăng ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu suất tổng

thể của NHTM, được đo lường thông qua quy mô vốn hóa, hiệu quả quản lý, khả năng sinh lời và tính thanh khoản. Tuy nhiên, những tác động không mong muốn này được giảm bớt nhờ vào những quy định chặt chẽ và sự can thiệp của chính phủ vào hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Như vậy, có thể thấy rằng, các nghiên cứu thực nghiệm chưa đưa ra các kết quả và kết luận đồng nhất về tác động của giá dầu đến hiệu quả hoạt động của các NHTM. Bên cạnh đó, theo hiểu biết của nhóm tác giả, có rất ít nghiên cứu được thực hiện phân tích mối tương quan giữa giá dầu và hoạt động của các NHTM Việt Nam dưới cả góc độ lợi nhuận và rủi ro. Đây cũng là khoảng trống nghiên cứu mà nhóm tác giả hướng tới. Bên cạnh ý nghĩa lý luận, nghiên cứu này có đóng góp cấp thiết về mặt thực tiễn, đặc biệt sau những căng thẳng giữa Nga và Ukraine, gây ra những chuyển biến lớn trên thị trường dầu thô nói riêng và thị trường năng lượng toàn cầu nói chung.

3. Mô hình nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Để nghiên cứu tác động của giá dầu đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam, nhóm tác giả vận dụng mô hình nghiên cứu được đề xuất bởi Lee và Lee (2019) thông qua mô hình hồi quy dữ liệu bảng như sau:

Trong đó:

$$Bankperf_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 Oil_t + \beta' Bank'_{i,t-1} + \gamma' Macro'_t + \tau_i + \varepsilon_{i,t}$$

$Bankperf_{i,t}$ là biến phụ thuộc thể hiện hiệu quả hoạt động của các NHTM. Trong nghiên cứu, nhóm tác giả này xem xét hoạt động của NHTM Việt Nam dựa trên khía cạnh lợi nhuận và rủi ro. Lợi nhuận được đại diện bởi tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), tương

tự như Lee và Lee (2019). Đối với khía cạnh rủi ro, tương tự như (Laeven & Levine, 2009), nhóm tác giả sử dụng chỉ số $Z-score_{it} = \frac{ROA_{it} + ETA_{it}}{\sigma(ROA_{it})}$, thể hiện rủi ro phá sản của các NHTM. Trong đó, ROA_{it} và ETA_{it} là chỉ số ROA và tỷ lệ vốn trên tổng tài sản, $\sigma(ROA_{it})$ là độ lệch chuẩn của tỷ lệ ROA được tính toán theo một cửa sổ 8 quý gần nhất. Tương tự như Wu và cộng sự (2020), nhóm tác giả sử dụng chỉ số logarit của $(1 + Z-score)$ để giảm thiểu độ lệch của $Z-score$.

Oil_t là biến giải thích được quan tâm, thể hiện biến động của giá dầu được thể hiện qua tỷ lệ thu nhập của giá dầu West Texas Intermediate (WTI) theo quý, $WTI_t = \ln(WTI_t) - \ln(WTI_{t-1})$, và sự chênh lệch của giá dầu so với xu hướng cơ bản (HP) (Hesse & Poghosyan, 2016). Tất cả các giá trung bình hàng quý được thu thập trên Cơ sở dữ liệu Kinh tế của Cục Dự trữ Liên bang (FRED).

$Bank'_{i,t-1}$ là vector các biến kiểm soát thể hiện đặc trưng của NHTM tác động tới hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam. Biến đầu tiên được lựa chọn là “Quy mô của NHTM” được thể hiện qua logarit cơ số tự nhiên của tổng tài sản ($SIZE$). Mối quan hệ của giữa quy mô và hoạt động ngân hàng được khai thác trong nghiên cứu tiêu biểu của (Öhman & Yazdanfar, 2018; Wheelock & Wilson, 2012), theo đó quy mô lớn sẽ khuyến khích các NHTM đa dạng nguồn thu nhập, từ đó giảm thiểu rủi ro và cho phép ngân hàng hoạt động với ít vốn dự trữ thanh khoản hơn. Kế đó, biến được lựa chọn là thu nhập lãi thuần (NIM) đo lường thông qua tỷ lệ NIM được tận dụng. NIM được coi là một trong những yếu tố chủ chốt ảnh hưởng đến hiệu suất sinh lời của NHTM (Islam & Nishiyama, 2016). Tiếp đó, tỷ lệ nguồn vốn trên tổng tài sản (ETA) và tỷ lệ thanh khoản ($LIQUIDITY$)

được tính toán dựa trên tỷ số giữa tài sản thanh khoản và tổng tài sản, được sử dụng. Berger và Bouwman (2013) chỉ ra rằng tỷ lệ vốn so với tài sản là một dấu hiệu quan trọng về sức khỏe tài chính của một NHTM do nó thể hiện khả năng chống chịu bằng nguồn vốn tự có của ngân hàng trước những biến động của thị trường tài chính. Trong khi đó tỷ lệ thanh khoản được cho là có mối tương quan âm đối với lợi nhuận ngân hàng bởi việc nắm giữ các tài sản thanh toán như tiền mặt và chứng khoán chính phủ làm phát sinh một khoản chi phí cơ hội đối với NHTM, nhưng các nhà đầu tư có thể đánh giá đó là ngân hàng ổn định và an toàn (Doan & Bui, 2021). Một chỉ tiêu đặc trưng khác của NHTM là chất lượng tài sản của NHTM được đo lường thông qua tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ (*LLP*). Một khoản vay có chất lượng kém có khả năng trở thành nợ xấu của ngân hàng, từ đó tác động tiêu cực tới hiệu quả hoạt động của các NHTM (Lee & Lee, 2019). Cuối cùng, nhóm tác giả sử dụng tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập hoạt động (*NONINT*), đại diện cho mô hình kinh doanh của NHTM, tương tự như Lagasio và Quaranta (2022). Các biến kiểm soát thể hiện đặc trưng của NHTM được sử dụng với độ trễ một chu kỳ để hạn chế vấn đề nội sinh tiềm tàng trong mô hình định lượng.

Macro_t là vector các biến vĩ mô có thể tác động tới hoạt động của các NHTM. Nghiên cứu này sử dụng ba biến số vĩ mô chính bao gồm cung tiền (*MS*), lạm phát (*INFL*) và lãi suất (*IR*). Sihotang và cộng sự (2022) cho thấy hiệu quả của ngân hàng bị ảnh hưởng mạnh bởi tổng cung tiền. Để đo lường cung tiền, tác giả tính toán giá trị logarit tự nhiên của M2. Lạm phát, đo lường bằng sự thay đổi theo quý của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là một nhân tố khác ảnh hưởng đến lợi nhuận của

ngân hàng. Tan và Floros (2012) chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa lạm phát và lợi nhuận của ngân hàng. Cuối cùng là biến lãi suất được đại diện bởi tỷ lệ lãi suất điều hành. Borio và cộng sự (2017) chỉ ra một mối tương quan giữa lãi suất và lợi nhuận của ngân hàng. Biến động tăng giảm của lãi suất tác động trực tiếp đến biên lãi ròng của ngân hàng thông qua chi phí vay vốn và lãi suất cho vay, từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của NHTM.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu bao gồm 21 NHTM Việt Nam trong giai đoạn từ 2007 tới hết 2022. Các biến đại diện cho hoạt động của các NHTM được thu thập và tính toán từ báo cáo tài chính theo quý của các NHTM. Do việc công bố số liệu không đầy đủ của các ngân hàng, đặc biệt là trước năm 2010, dữ liệu được sử dụng trong bài nghiên cứu là dữ liệu dạng bảng không cân bằng. Bên cạnh đó, nhóm tác giả gỡ bỏ các quan sát ngoại loại vượt quá các khoảng phân vị 99% và 1% ở mỗi biến số ở mỗi NHTM. Trong khi đó, dữ liệu về biến động giá dầu được thu thập từ Cơ sở dữ liệu Kinh tế của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ FED. Số liệu về kinh tế vĩ mô của Việt Nam được lấy từ Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Bảng 1 thể hiện số liệu thống kê mô tả các biến số sử dụng trong mô hình, bao gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất. Tỷ lệ ROA trung bình hàng quý của ngân hàng thương mại Việt Nam là 0,3% với độ lệch chuẩn ở mức 0,2%. Giá trị trung bình theo quý của ln (*Z-score* +1) là 4,706, với giá trị thấp nhất là 1,962 và giá trị cao nhất là 8,471. Hai biến đo lường biến động giá dầu là WTI và HP có giá trị trung bình lần lượt là 0.6% và -0,1% với độ lệch

chuẩn của hai biến khá cao, thể hiện sự biến động lớn gắn liền với nhiều cú sốc giá dầu tiêu biểu trong giai đoạn nghiên cứu.

Đối với các biến số đặc trưng của NHTM, giá trị logarit tổng tài sản trung bình là

12,117. Có sự khác biệt lớn giữa giá trị thấp nhất và giá trị cao nhất giữa nhóm ngân hàng lớn (BIDV, VCB, CTG) và nhóm ngân hàng nhỏ hơn (KLB, BVB, ABB). Tỷ lệ NIM trung bình hàng quý là 0,8% với độ lệch chuẩn cao

Bảng 1: Thống kê mô tả các biến sử dụng

	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Biến phụ thuộc					
ROA	855	0,003	0,002	-0,015	0,102
ZSCORE	784	4,706	0,816	1,962	8,471
Biến động giá dầu					
WTI	864	0,006	0,178	-0,701	0,380
HP	864	-0,002	0,101	-0,301	0,207
Biến đặc trưng ngân hàng					
SIZE	854	12,117	1,054	9,159	14,567
ETA	854	0,0863	0,031	0,030	0,335
LIQUIDITY	854	0,162	0,089	0,016	1,175
LLP	778	0,003	0,0034	-0,010	0,051
NONINT	850	0,004	0,005	-0,014	0,052
NIM	850	0,008	0,002	0,003	0,036
Biến vĩ mô					
MS	864	5,348	0,298	4,752	5,745
CPI	864	0,010	0,0134	-0,017	0,090
IR	864	0,0584	0,027	0,028	0,162

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

ở mức 0,2%. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên vốn vay và tỷ lệ thanh khoản trung bình lần lượt là khoảng 8.63% và 16.2%. Đây là hai chỉ số đo lường tầm đệm chống chịu những biến động bất thường của thị trường. Đối với các biến số kinh tế vĩ mô, số liệu chỉ ra rằng logarit cung tiền trong nền kinh tế trung bình là 5,34, tỷ lệ tăng trưởng trung bình của CPI là 1,01% và lãi suất điều hành trung bình là 5,84% trong quá trình nghiên cứu.

4. Kết quả mô hình vào thảo luận kết quả

4.1. Mô hình cơ sở

Để đảm bảo tính vững của mô hình, nhóm tác giả trước hết đánh giá khả năng tự tương quan của các biến trong mô hình thông qua hệ số phóng đại phương sai VIF, được thể hiện ở Bảng 2. Hệ số VIF nằm trong khoảng từ 1,075 tới 2,138, đảm bảo mô hình không gặp phải vấn đề về đa cộng tuyến trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 3 thể hiện kết quả của mô hình cơ sở lần lượt đánh giá tác động của giá dầu thay đổi tới lợi nhuận và rủi ro của các NHTM Việt Nam với mô hình hồi quy dạng bảng với hiệu ứng cố định, tương tự như Lee và Lee (2019). Kết quả hồi quy cho thấy biến động giá dầu có tác động cùng chiều tới tăng trưởng lợi nhuận của các NHTM. Cụ thể, 1% tăng lên của tỷ lệ sinh lời giá dầu và độ lệch của giá dầu từ xu hướng cơ bản giúp tỷ lệ ROA của các NHTM tăng tương ứng 0,1% và 0.04%. Kết quả này tương tự với kết quả của Hasanov và cộng sự (2018) và Saif-Alyousfi và cộng sự (2021). Điều này có thể được lý giải bởi khả năng sinh lời của NHTM cải thiện trực tiếp nhờ gia tăng tín dụng đối với các doanh nghiệp có doanh thu từ biến động gia tăng của giá dầu hoặc gián tiếp thông qua hoạt động đầu tư công của chính phủ nhờ gia tăng ngân sách từ các hoạt động dầu mỏ (Saif-Alyousfi và cộng sự, 2021).

Bảng 2: Hệ số phóng đại phương sai VIF

Biến giải thích	Biến phụ thuộc			
	ROA		Z-score	
WTI	1,357		1,404	
HP		1,188		1,182
SIZE	1,441	1,442	1,410	1,410
ETA	1,563	1,563	1,542	1,542
LIQUIDITY	1,077	1,074	1,079	1,075
LLP	1,126	1,125	1,078	1,078
NONINT	1,073	1,075	1,076	1,077
NIM	1,393	1,385	1,403	1,397
IR	1,564	1,408	1,563	1,369
MS	1,787	1,782	1,693	1,685
CPI	2,138	1,974	2,039	1,873

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

Đối với Z-score, kết quả thấy tác động ngược chiều của biến động giá dầu tới mức độ an toàn tổng thể của NHTM Việt Nam. Cụ thể, 1% tăng lên của tỷ lệ sinh lời giá dầu và độ lệch của giá dầu từ xu hướng cơ bản tương ứng với tỷ lệ Z-score của các NHTM giảm

Bảng 3: Tác động của biến động giá dầu tới hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam

	Biến phụ thuộc			
	ROA (1)		Z-Score (2)	
WTI	0,001** [0,000]		-0,240* [0,081]	
HP		0,0004* [0,0001]		-0,607** [0,306]
SIZE	0,0016*** [0,0002]	0,0015** [0,0003]	-0,009 [0,162]	-0,065 [0,162]
ETA	0,0164*** [0,004]	0,0165*** [0,003]	3,357* [1,725]	3,332* [1,402]
LIQUIDITY	0,002 [0,0008]	0,0003 [0,0008]	-0,807** [0,416]	-0,845** [0,406]
LLP	-0,091* [0,486]	-0,093* [0,0191]	-15,567* [9,706]	-15,964* [9,539]
NONINT	-0,0116 [0,022]	-0,0119 [0,0145]	-9,667* [6,218]	-10,590* [6,087]
NIM	0,208*** [0,064]	0,2145*** [0,030]	-33,386*** [15,753]	- 34,846*** [15,868]
CPI	-0,0005 [0,060]	0,0006 [0,007]	1,187 [3,798]	1,400 [3,286]
MS	0,0006 [-0,0011]	0,0008 [0,001]	0,464 [0,493]	0,396 [0,493]
IR	-0,005* [0,095]	0,0025 [0,003]	-1,894 [1,874]	-1,386 [1,762]
Số quan sát	753	753	719	719
F-Test	0	0	0	0
R-Squared	0,303	0,297	0,091	0,084

Bảng thể hiện kết quả hồi quy tác động của biến động giá dầu tới lợi nhuận (mô hình 1) và rủi ro (mô hình 2) của các NHTM Việt Nam với mô hình hồi quy dạng bảng với hiệu ứng cố định. Các số trong ngoặc kép thể hiện sai số chuẩn của các hệ số ước lượng. *, ** và *** thể hiện mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

tương ứng 0,240 và 0,607. Điều này cho thấy biến động giá dầu giúp cải thiện lợi nhuận nhưng đồng thời tăng nguy cơ rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam. Kết quả này tương tự như kết quả của Lee và Lee (2019) và Maghyereh và cộng sự (2022). Điều này có thể lý giải bởi tác động tiêu cực của biến động giá dầu tới tăng trưởng kinh tế do sự gia tăng của chi phí hoạt động và vận hành của các chủ thể trong nền kinh tế (Berument và cộng sự, 2010). Bên cạnh đó, Lee và Lee (2019) chỉ ra rằng biến động giá dầu có tác động tiêu cực tới mức độ an toàn vốn, chất lượng tài sản, khả năng thanh khoản và khả năng quản trị của các NHTM, từ đó khiến cho tỷ lệ phá sản của các NHTM trở nên cao hơn.

Đối với các biến giải thích khác, kết quả hồi quy cho thấy phần lớn các biến kiểm soát đều có tác động đáng kể tới hiệu quả hoạt động của các NHTM và phù hợp với các kết quả nghiên cứu của Chen và cộng sự (2009) và Hesse và Poghosyan (2016). Cụ thể, quy mô, tỷ lệ vốn, tỷ lệ biên lãi ròng có tác động tích cực tới khả năng sinh lời của các NHTM, trong khi tỷ lệ nợ xấu và lãi suất điều hành gia tăng khiến các NHTM suy giảm khả năng sinh lời. Đối với rủi ro phá sản, kết quả hồi quy cho thấy các NHTM có tỷ lệ nguồn vốn lớn giúp các NHTM giảm rủi ro phá sản. Trong khi đó, chất lượng tài sản giảm và tỷ lệ thu nhập ngoài lãi gia tăng khiến các NHTM Việt Nam đối mặt với rủi ro lớn hơn.

4.2. Tác động bất đối xứng của biến động giá dầu

Một số nghiên cứu đã chỉ ra sự bất cân xứng trong tác động của những thay đổi giá dầu đến hoạt động của ngân hàng. Valcarcel

và Wohar (2013) chỉ ra rằng biến động giá dầu có ảnh hưởng bất đối xứng đến lạm phát theo hướng giá dầu tăng, lạm phát tăng rất nhanh nhưng khi giá dầu giảm lạm phát không giảm hoặc giảm với mức độ thấp hơn. Tương tự, Trinh và Lan (2018) chỉ ra tính bất đối xứng của ảnh hưởng giá dầu đến TTCK tại các nền kinh tế khác nhau, trong đó có Việt Nam. Trong mô hình mở rộng, nhóm tác giả đánh giá giả thuyết về sự bất cân xứng cho rằng tác động của các cú sốc tăng giá dầu khác biệt so với tác động của các cú sốc giảm giá dầu đối với hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam. Để kiểm định giả thuyết này, nhóm tác giả chia mẫu dữ liệu thành hai phần với 26 quý có sự giảm giá dầu và 36 quý dầu tăng giá.

Bảng 4 thể hiện kết quả hồi quy về tác động bất đối xứng của biến động giá dầu tới lợi nhuận của các NHTM Việt Nam. Kết quả hồi quy ủng hộ thuyết bất cân xứng trong tác động của giá dầu lên lợi nhuận của ngân hàng. Biến đo lường giá dầu chỉ có ý nghĩa thống kê trong mô hình khi giai đoạn giá dầu có xu hướng tăng trong khi giá dầu giảm không cho thấy tác động trực tiếp đến lợi nhuận NHTM. Một vài lý giải được đưa ra như do vai trò của chính sách tiền tệ (Balke và cộng sự, 2002), áp lực tài chính do giá dầu tăng, giảm lương và giá cả hay áp lực lãi suất (Saif-Alyousfi và cộng sự, 2021) hoặc sự tồn tại của các kênh truyền dẫn vĩ mô (Mork, 1989).

Bảng 5 thể hiện kết quả hồi quy về tác động bất đối xứng của biến động giá dầu tới rủi ro của các NHTM Việt Nam. Kết quả mô hình không cho thấy sự bất cân xứng rõ ràng trong sự tác động của giá dầu tăng giảm đối

Bảng 4: Tác động bất đối xứng của biến động giá dầu tới lợi nhuận của các NHTM Việt Nam

	Mô hình 1: Giá dầu tăng		Mô hình 2: Giá dầu giảm	
WTI	0,0015*** [0,0007]		-0,0007 [0,001]	
HP		0,0004* [0,0002]		-0,0004 [0,0012]
SIZE	0,0002* [0,0001]	0,0011*** [0,0004]	0,0002 [0,001]	0,0002 [0,0001]
ETA	0,0103*** [0,003]	0,0189*** [0,003]	0,002 [0,005]	0,0106** [0,004]
LIQUIDITY	0,002** [0,001]	0,0011 [0,0015]	0,0005 [0,001]	0,0027** [0,001]
LLP	-1,546*** [0,0298]	-0,3064*** [0,0695]	-0,0009 [0,031]	-0,1592*** [0,0369]
NONINT	-0,0239 [0,0181]	-0,0553 [0,0508]	-0,008 [0,027]	-0,0141*** [0,0186]
NIM	0,2296*** [0,0379]	0,4943*** [0,0446]	0,0892* [0,0516]	0,162*** [0,0492]
CPI	0,0104 [0,008]	0,0014 [0,007]	-0,004 [0,0181]	0,0153 [0,0112]
MS	0,0044*** [0,0007]	0,001 [0,0014]	0,003*** [0,0008]	0,0026*** [0,0007]
IR	0,0155*** [0,006]	0,0012 [0,004]	0,0184 [0,0064]	0,008* [0,005]
Số quan sát	449	451	319	322
F-Test	0,000	0,000	0,000	0,000
R-Squared	0,291	0,606	0,129	0,209

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

với rủi ro tổng thể của NHTM. Cụ thể, biên độ tăng hay giảm của giá dầu đều có tác động tiêu cực tới rủi ro của các NHTM Việt Nam. Tuy nhiên, tác động của biến động giá dầu tăng có hệ số hồi quy lớn hơn so với biến động giá dầu giảm. Điều này cho thấy tác động tiêu cực của biến động giá dầu tới rủi ro của các NHTM Việt Nam chủ yếu xuất phát

từ mức độ bất ổn trong biến động giá dầu, tác động tiêu cực tới khả năng lên kế hoạch và thực hiện hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế, tương tự như kết luận của Hamilton (2011).

4.3. Thảo luận kết quả

Nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra tác động đáng kể của biến động giá dầu tới hiệu quả

Bảng 5: Tác động bất đối xứng của biến động giá dầu tới rủi ro của các NHTM Việt Nam

	Mô hình 1: Giá dầu tăng		Mô hình 2: Giá dầu giảm	
WTI	-0,5195*		-0,1693	
	[0,0272]		[0,4046]	
HP		-0,1269		-0,933
		[0,8123]		[1,091]
SIZE	-0,0542	-0,0523	-0,0471	-0,167**
	[0,2073]	[0,1044]	[0,2398]	[0,0831]
ETA	4,8712**	6,301*	4,591**	2,6414
	[2,1506]	[2,5204]	[2,420]	[2,1347]
LIQUIDITY	-0,9663*	-1,0961**	0,4543	-0,0958
	[0,5209]	[0,5212]	[1,031]	[0,529]
LLP	-9,1927	-14,7667	-31,7942***	-9,2308
	[14,882]	[14,6253]	[12,181]	[13,806]
NONINT	-3,8872	-12,4133	-16,442*	-10,691*
	[9,009]	[11,5118]	[9,499]	[5,953]
NIM	-54,2814***	-28,251*	-16,214	-47,6877
	[19,364]	[15,942]	[21,083]	[19,872]
CPI	-0,1872	0,7302	-7,8164	-1,833
	[5,1253]	[4,3856]	[7,044]	[4,8323]
MS	0,2694	0,2394	0,739	-0,141
	[0,6994]	[0,3915]	[0,674]	[0,8345]
IR	1,3946	0,3132	-10,723***	-4,1323**
	[3,3091]	[2,617]	[2,876]	[2,2243]
Số quan sát	422	430	288	292
F-Test	0,000	0,000	0,000	0,000
R-Squared	0,0493	0,0392	0,0583	0,0603

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

hoạt động trên góc độ lợi nhuận và rủi ro phá sản của các NHTM Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu này cho thấy biến động giá dầu có tác động tích cực tới lợi nhuận, trong khi làm gia tăng rủi ro phá sản của các NHTM Việt Nam. Đồng thời, kết quả mô hình mở rộng cho thấy sự tồn tại của hiệu ứng bất cân xứng trong tác động của biến động giá dầu tới hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam. Theo đó, biến

động giá dầu có tác động rõ ràng tới lợi nhuận của các NHTM Việt Nam trong giai đoạn giá dầu tăng nhưng không có tác động có ý nghĩa trong giai đoạn giá dầu giảm. Đối với rủi ro phá sản, biến động giá dầu có tác động đến rủi ro của các NHTM trong cả giai đoạn giá dầu tăng và giảm nhưng tác động là lớn hơn trong giai đoạn giá dầu tăng.

Điều này có thể phân nào lý giải như sau. Tác động của biến động giá dầu thế giới tới Việt Nam thường có độ trễ nhất định do những can thiệp trực tiếp nhằm ổn định giá cả của Chính phủ đối với thay đổi giá nguyên liệu tại Việt Nam, đặc biệt là các giai đoạn giá dầu tăng mạnh. Thay vào đó, biến động giá tăng của giá dầu có thể đại diện cho sự mở rộng của kinh tế thế giới với mức độ gia tăng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu vận chuyển hàng hóa. Với nền kinh tế đang phát triển với tốc độ tăng trưởng cao, độ mở kinh tế lớn, điều này giúp hoạt động tín dụng và vai trò cầu nối trong luân chuyển vốn trong nền kinh tế của các NHTM Việt Nam hiệu quả hơn. Tuy nhiên, những giai đoạn gia tăng của biến động giá dầu cũng mang lại nhiều bất ổn, gây ra nhiều khó khăn cho các chủ thể trong việc dự báo biến động của nền kinh tế. Bởi lẽ, bên cạnh nguyên nhân từ nhu cầu tiêu thụ dầu từ sản xuất kinh doanh, biến động giá dầu thế giới còn chịu ảnh hưởng từ phía cung của các nước có ảnh hưởng trong sản lượng dầu thế giới. Điều này khiến cho mức độ biến động trong lợi nhuận của các chủ thể của nền kinh tế gia tăng, từ đó tác động tới biến động lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động của các NHTM Việt Nam.

5. Khuyến nghị

Kết quả của nghiên cứu này đưa ra một số hàm ý và khuyến nghị như sau. *Thứ nhất*, đối với các NHTM, các nhà quản lý NHTM cần dành sự chú ý đến biến động giá dầu, xây dựng các kịch bản chiến lược cụ thể cho từng xu hướng biến động có thể xảy ra để đảm bảo sự ổn định và an toàn của hoạt động kinh doanh. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng giá dầu tăng trực tiếp làm tăng lợi nhuận của ngân

hàng nhờ sự mở rộng hoạt động cho vay các ngành nghề liên quan đến năng lượng và dầu mỏ. Tuy nhiên, để phân tán và quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay, ngân hàng vẫn phải xây dựng một danh mục tín dụng hợp lý, không tập trung vào bất kỳ ngành nào. Bên cạnh đó, tác động tiêu cực của biến động giá dầu tới rủi ro của NHTM cho thấy NHTM Việt Nam nên xem xét biến động giá dầu như một nhân tố rủi ro quan trọng trong các mô hình đo lường và quản trị rủi ro. *Thứ hai*, đối với các cơ quan quản lý, kết quả nghiên cứu cho thấy Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cần tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro của các NHTM trước những tác động của biến động giá dầu. Điều này là quan trọng trong bối cảnh biến động giá dầu đang ngày càng khó dự đoán và đối diện với sự biến động lớn của cả phía cung và cầu do ảnh hưởng của các yếu tố chính trị và tính bất ổn trong khả năng phục hồi kinh tế Việt Nam và thế giới giai đoạn hậu đại dịch Covid-19. *Thứ ba*, đối với các cổ đông và nhà đầu tư cổ phiếu của các NHTM, nghiên cứu này cho thấy biến động giá dầu có tác động trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của các NHTM, từ đó sẽ gián tiếp tác động tới biến động của giá cổ phiếu. Do đó, các cổ đông và nhà đầu tư cổ phiếu của các NHTM cần quan tâm tới biến động giá dầu để đưa ra các quyết định đầu tư.

Bên cạnh những đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn, nghiên cứu này vẫn còn tồn tại một số hạn chế. *Thứ nhất*, nghiên cứu này chưa đánh giá một cách toàn diện về kênh truyền dẫn tác động của biến động giá dầu tới hoạt động của các NHTM như thông qua biến động của nền kinh tế hoặc các giai đoạn khác nhau của chính sách tiền tệ. *Thứ hai*, nghiên

cứu này chưa đánh giá khả năng tác động khác nhau của biến động giá dầu tới hiệu quả hoạt động của các NHTM với các nhóm NHTM khác nhau về quy mô, mô hình kinh doanh hoặc tính chất sở hữu. Thứ ba, nghiên cứu này chỉ đánh giá được tác động của biến động giá dầu tới hoạt động của các NHTM theo tần suất quý. Tuy nhiên, trên thực tế, biến động giá dầu thường có tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của các NHTM với tần suất lớn là theo quý. Những hạn chế này có thể được khắc phục thông qua các nghiên cứu trong tương lai. ◆

Tài liệu tham khảo:

Almazari, A. A. (2014). Impact of internal factors on bank profitability: Comparative study between Saudi Arabia and Jordan. *Journal of Applied finance and banking*, 4(1), 125.

Anh, P. T. H., Lân, C. K., Tùng, T. H., Ngọc, Đ. B., & Phương, N. M. (2016). Ảnh hưởng của biến động giá dầu thế giới đến nền kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 164&165(1+2 (2016)), 24-32.

Balke, N. S., Brown, S. P., & Yucel, M. K. (2002). Oil price shocks and the US economy: Where does the asymmetry originate? *The Energy Journal*, 23(3).

Basher, S. A., Haug, A. A., & Sadorsky, P. (2012). Oil prices, exchange rates and emerging stock markets. *Energy Economics*, 34(1), 227-240.

Berger, A. N., & Bouwman, C. H. (2013). How does capital affect bank performance during financial crises? *Journal of Financial Economics*, 109(1), 146-176.

Berument, M. H., Ceylan, N. B., & Dogan, N. (2010). The impact of oil price shocks on the economic growth of selected MENA countries. *The Energy Journal*, 31(1).

Borio, C., Gambacorta, L., & Hofmann, B. (2017). The influence of monetary policy on bank profitability. *International finance*, 20(1), 48-63.

Boyd, J. H., Levine, R., & Smith, B. D. (2001). The impact of inflation on financial sector performance. *Journal of monetary Economics*, 47(2), 221-248.

Chen, Y., Guo, R.-J., & Huang, R.-L. (2009). Two stages credit evaluation in bank loan appraisal. *Economic Modelling*, 26(1), 63-70.

Creti, A., Ftiti, Z., & Guesmi, K. (2014). Oil price and financial markets: Multivariate dynamic frequency analysis. *Energy policy*, 73, 245-258.

Davis, S. J., & Haltiwanger, J. (2001). Sectoral job creation and destruction responses to oil price changes. *Journal of monetary Economics*, 48(3), 465-512.

Doan, T., & Bui, T. (2021). How does liquidity influence bank profitability? A panel data approach. *Accounting*, 7(1), 59-64.

Hamilton, J. D. (1983). Oil and the macroeconomy since World War II. *Journal of political Economy*, 91(2), 228-248.

Hamilton, J. D. (2011). Nonlinearities and the macroeconomic effects of oil prices. *Macroeconomic dynamics*, 15(S3), 364-378.

Hasanov, F. J., Bayramli, N., & Al-Musehel, N. (2018). Bank-specific and macroeconomic determinants of bank profitability: Evidence from an oil-dependent economy. *International Journal of Financial Studies*, 6(3), 78.

Hesse, H., & Poghosyan, T. (2016). *Oil prices and bank profitability: Evidence from major oil-exporting countries in the Middle East and North Africa*: Springer.

Islam, M. S., & Nishiyama, S.-I. (2016). The determinants of bank net interest margins: A panel evidence from South Asian countries. *Research in International Business and Finance*, 37, 501-514.

Kilian, L. (2008). The economic effects of energy price shocks. *Journal of economic literature*, 46(4), 871-909.

Laeven, L., & Levine, R. (2009). Bank governance, regulation and risk taking. *Journal of Financial Economics*, 93(2), 259-275.

Lagasio, V., & Quaranta, A. G. (2022). Cluster analysis of bank business models: The connection with performance, efficiency and risk. *Finance Research Letters*, 47, 102640.

Lee, C.-C., & Lee, C.-C. (2019). Oil price shocks and Chinese banking performance: do country risks matter? *Energy Economics*, 77, 46-53.

Maghyreh, A., Abdoh, H., & Al-Shboul, M. (2022). Oil structural shocks, bank-level characteristics, and systemic risk: Evidence from dual banking systems. *Economic Systems*, 46(4), 101038.

Mensi, W. (2019). Global financial crisis and co-movements between oil prices and sector stock markets in Saudi Arabia: A VaR based wavelet. *Borsa Istanbul Review*, 19(1), 24-38.

Morana, C. (2017). Macroeconomic and financial effects of oil price shocks: Evidence for the euro area. *Economic Modelling*, 64, 82-96.

Mork, K. A. (1989). Oil and the macroeconomy when prices go up and down: an extension of Hamilton's results. *Journal of political Economy*, 97(3), 740-744.

Nam, N. T. (2020). Ảnh hưởng của các cú sốc giá dầu đến các biến ngân sách của Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 219(8/2020), 1-13.

Narayan, P. K., & Gupta, R. (2015). Has oil price predicted stock returns for over a century? *Energy Economics*, 48, 18-23.

Nasim, A., & Downing, G. (2023). Energy shocks and bank performance in the advanced economies. *Energy Economics*, 118, 106517.

Öhman, P., & Yazdanfar, D. (2018). Organizational-level profitability determinants in commercial banks: Swedish evidence. *Journal of Economic Studies*, 45(6), 1175-1191.

Ravazzolo, F., & Rothman, P. (2013). Oil and US GDP: A real-time out-of-sample examination. *Journal of Money, Credit and Banking*, 45(2-3), 449-463.

Saif-Alyousfi, A. Y., & Saha, A. (2021). Determinants of banks' risk-taking behavior, stability and profitability: Evidence from GCC countries. *International Journal of Islamic and Middle Eastern Finance and Management*, 14(5), 874-907.

Saif-Alyousfi, A. Y., Saha, A., Md-Rus, R., & Taufil-Mohd, K. N. (2021). Do oil and gas price shocks have an impact on bank performance? *Journal of Commodity Markets*, 22, 100147.

Sihotang, M. K., Hasanah, U., & Hayati, I. (2022). Model of sharia bank profitability determination factors by measuring internal and externals variables. *Indonesian*

Interdisciplinary Journal Of Sharia Economics (Ijse), 5(1), 235-251.

Tan, Y., & Floros, C. (2012). Bank profitability and inflation: the case of China. *Journal of Economic Studies*, 39(6), 675-696.

Trinh, P. T. T., & Lan, V. L. L. (2018). Tác động bất đối xứng của biến động giá dầu đến thị trường chứng khoán Việt Nam: Tiếp cận mô hình phi tuyến tính ARDL. *Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*.

Umar, M., Su, C.-W., Rizvi, S. K. A., & Lobont, O.-R. (2021). Driven by fundamentals or exploded by emotions: Detecting bubbles in oil prices. *Energy*, 231, 120873.

Valcarcel, V. J., & Wohar, M. E. (2013). Changes in the oil price-inflation pass-through. *Journal of Economics and Business*, 68, 24-42.

Wang, K.-H., Su, C.-W., & Umar, M. (2021). Geopolitical risk and crude oil security: A Chinese perspective. *Energy*, 219, 119555.

Wheelock, D. C., & Wilson, P. W. (2012). Do large banks have lower costs? New estimates of returns to scale for US banks. *Journal of Money, Credit and Banking*, 44(1), 171-199.

Wu, J., Yao, Y., Chen, M., & Jeon, B. N. (2020). Economic uncertainty and bank risk: Evidence from emerging economies. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 68, 101242.

Yu, Y., Guo, S., & Chang, X. (2022). Oil prices volatility and economic performance during COVID-19 and financial crises of 2007-2008. *Resources policy*, 75, 102531.

Zhao, L., Zhang, X., Wang, S., & Xu, S. (2016). The effects of oil price shocks on output and inflation in China. *Energy Economics*, 53, 101-110.

Zhu, Z., Sun, L., Tu, J., & Ji, Q. (2022). Oil price shocks and stock market anomalies. *Financial management*, 51(2), 573-612.

Summary

This study investigates the impacts oil price changes on the performance of Vietnamese commercial banks, as proxied by their profitability and business risks. Employing panel data of 21 Vietnamese commercial banks from 2007 to 2022, we find that oil price changes are statistically positive associated with bank profitability, while it has negative associations with bank risk. We further explore the potential asymmetric impacts of oil prices changes between periods of increasing and decreasing oil prices. Our empirical evidence implies that the impacts of oil price changes are stronger and statistically significant during periods of increasing oil prices. Consequently, we provide some policy implications to the regulators and managers of Vietnamese commercial banks.